

# TÁNH KHÔNG ( SÚNYATÀ )



**HT. Chơn Thiện**

---o0o---

**Nguồn**

***<http://thuvienhoasen.org>***

***Chuyển sang ebook 28-7-2009***

***Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)***

***[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)***

## Mục Lục

### I. Khái quát

1. Sự thật tối hậu
2. Mục đích nói Pháp của Thế Tôn
3. Sự giác ngộ tối thắng của Thế Tôn
4. Nghe pháp

### II. Khái niệm về Không Tánh ( Tánh Không )

### III. Về ngã tính, ngã tướng, ngã tưởng

### IV. Tánh Không và kinh ngắn Không Tánh ( Cùlasunnata - Suttam, Majjhima Nikàya, Vol. III )

### V. Kết luận

---o0o---

## I. Khái quát

Trước khi đi vào tìm hiểu Tánh Không, tưởng cần đi vào một số nhận thức cơ bản về giáo lý Phật giáo để thấy rõ tính truyền thống, tính rõ ràng về sự thật, và tính tác dụng thiết thực của nó (Tánh Không), như :

- Sự giác ngộ tối hậu của Đức Phật.
- Sự giác ngộ vượt lên trên 62 Học thuyết đương thời của xứ Ấn.
- Mục đích nói Pháp của Đức Phật.

### ***1. Sự thật tối hậu***

- Tương Ứng Bộ Kinh II (Samyutta Nikàya, Vol. II., PTS, London...), phẩm Tương Ứng Nhân duyên xác nhận bảy Đức Thế Tôn quá khứ từ Thế Tôn Tỳ

Bà Thi, Thế Tôn Thích Ca, và chư Thế Tôn vị lai đều chứng ngộ Vô Thượng Bồ Đề từ sự chứng ngộ sự thật Duyên khởi.

- Kinh Tương Ưng Nhân duyên, Kinh Phật Tự Thuyết (Udàna, Khuddaka Nikàya, Vol. I, PTS, London,...), Kinh Đại Duyên (Dìgha Nikàya), Kinh Đại Bản (Dìgha Nikàya) là các kinh giới thiệu rõ giáo lý Duyên Khởi.

- Trung Bộ Kinh I (Majjhima Nikàya, Vol.I, PTS, London,...), Tương Ưng Bộ Kinh III (Samyutta Nikàya, Vol.III, PTS, London,...) và Tiểu Bộ Kinh I (Khuddaka Nikàya, Vol I, PTS, London... ) ghi lời dạy của Thế Tôn rằng: "Ai thấy Duyên Khởi là thấy pháp. Ai thấy pháp là thấy Phật ".

Thấy Phật quả là thấy sự thật tối hậu. Và Duyên Khởi tánh quả là Pháp tánh, Chân tánh, Không tánh, hay Phật tánh. Duyên Khởi tánh như vậy đồng nghĩa với Vô ngã tánh, Không tánh hay Trung đạo nghĩa.

---o0o---

## ***2. Mục đích nói Pháp của Thế Tôn***

- Bài pháp đầu tiên, Sơ chuyển Pháp luân, được Thế Tôn giảng tại vườn Nai, Baranàsi, nói về Khổ, nguyên nhân của Khổ, và con đường diệt Khổ. Thế Tôn, về sau đã nhiều lần xác định Ngài chỉ nói về Khổ và con đường dập tắt Khổ.

Đây là mục đích nói Pháp của Thế Tôn mà về sau chư Tổ, chư vị Luận sư trung thành với tinh thần nói Pháp này. Đại sư Long Thọ (Nagarjuna) cũng thế.

- Tương Ưng Bộ Kinh IV (Samyutta Nikàya, Vol IV, PTS, London,...) ghi lời dạy của Tôn giả Sàriputta, bậc Tướng quân Chánh pháp rằng :

" Những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, những ai thuyết pháp để đoạn tận sân, những ai thuyết pháp để đoạn tận si, những vị ấy là những vị thuyết pháp ở đời.

... Những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si, những vị ấy là những vị khéo thực hành ở đời ".

- Tăng Chi Bộ Kinh III (Anguttara Nikàya, Vol. III, PTS, London,...) ghi rằng Thế Tôn dạy các vị Tỷ kheo một phần của ngày dùng để học pháp, tụng

pháp, tư duy về pháp, nói pháp, và một phần của ngày sống độc cư, chuyên tâm tịnh chỉ, thì như vậy có nghĩa là sống theo pháp. Thế Tôn đã kết thúc lời dạy bằng lời giáo giới :

" Nay các Tỷ kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trồng. Nay các Tỷ kheo, hãy tu thiền, chớ có phóng dật. Chớ để về sau hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta dành cho các ông ".

Mục đích của nói pháp rõ là nói về đoạn tận tham, sân, si, về pháp hành đoạn tận tham, sân, si.

---o0o---

### ***3. Sự giác ngộ tối thắng của Thế Tôn***

Kinh Phạm Võng, Trường Bộ Kinh I (Brahmajàlasuttam, Dìgha-Nikàya, Vol I, PTS, London,...) ghi lại sự kiện giác ngộ tối thắng của Thế Tôn rằng : Các đạo sư phi Phật giáo do chấp trước cảm thọ, chấp trước tri kiến của mình, nên không thể vượt qua được Phi tướng, phi phi tướng xứ định ( không thể vượt qua 5 thủ uẩn ) để vào Diệt thọ tưởng định, nơi xuất khởi Chánh trí giải thoát. Đức Thế Tôn do vì thấy rõ cái vô thường, hư vọng của các cảm thọ và tri kiến, Ngài không chấp thủ chúng, do đó đi vào chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bản kinh cho thấy rõ : tham ái và chấp thủ kiến là nhân tố ngăn che trí tuệ giải thoát cần được hiểu rõ và loại trừ.

---o0o---

### ***4. Nghe pháp***

Thính chúng nghe Thế Tôn thuyết giảng ở nhiều cấp độ Định, Tuệ khác nhau :

- Tôn giả Kiền Trần Như vừa nghe Thế Tôn nói tổng quát về Tứ đế liền đắc Pháp nhãn (thấy rõ sự thật của pháp, dù chưa có khả năng để an trú, thể nhập). Bốn ngày tiếp theo, nghe Ngũ uẩn và Vô ngã, thì tôn giả và bốn huynh đệ đồng tu đều đắc quả A-La-Hán ( dứt sinh tử khổ đau )

- Tôn giả Xá Lợi Phất (Sàriputta) và Mục Kiền Liên (Moggallàna) vừa nghe bài kệ tóm tắt về Duyên Khởi liền đắc Pháp nhãn.

Sau đó, sau bốn tuần lễ vừa hầu quạt Thế Tôn vừa nghe pháp thì tôn giả Xá Lợi Phất đắc đại tuệ, Đại A-La-Hán, thấu suốt sự thật của pháp giới; tôn giả Mục Kiền Liên thì hành thiền định liên tục tám ngày, dưới sự hướng dẫn của Thế Tôn, mới đắc Đại A-La-Hán ( đệ nhị trí tuệ, đệ nhất thần thông ).

- Tôn giả Pukkusati, nghe Thế Tôn nói Kinh Lục Xứ - trong tư cách người đi đường cùng trú mưa - trong căn lều trú mưa, liền đắc quả Thánh A-Na-Hàm ( Bất Lai )

Có nhiều thành quả nghe pháp xảy ra khác nhau: có trường hợp có thể liễu ngộ ngay thực thương, tiêu sạch các lậu hoặc; có trường hợp ngay khi nghe liền bừng ngộ thực tướng, nhưng tâm thức còn vướng các lậu hoặc cần có thời gian tu tập, để đoạn trừ ; có trường hợp sau khi nghe thì khởi hoan hỷ, tín tâm, và cần một thời gian dài tu tập để phát triển Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ. Như thế, không thể quả quyết rằng chỉ nghe pháp thôi thì không thể liễu hội, ngộ nhập Không Tánh (Súnyatà) hay Vô ngã tánh của vạn hữu. Cũng không thể quả quyết rằng chỉ cần nghe pháp và trầm tư về pháp là có thể ngộ nhập Không Tánh. Vấn đề còn tùy thuộc vào căn cơ, khả năng Định, Tuệ và thiên hướng tâm lý của người nghe ( có người thuộc Tín căn; có người thuộc Định căn; có người thuộc Tuệ căn ...) Với việc nghe giảng về Trung Luận và các Luận khác cũng thế.

---o0o---

## **II. Khái niệm về Không Tánh ( Tánh Không )**

Trung Quán Luận, phẩm XXIV, đoạn 18 viết :

" Chúng nhân duyên sanh pháp  
Ngã thuyết tức thị Không.  
Diệc vi thị giả danh  
Diệc thị Trung đạo nghĩa "

( Pháp do các nhân duyên sinh  
Ta nói tức là Không  
Cũng gọi là Giả danh  
Cũng là nghĩa Trung đạo )

Các hiện hữu là do các nhân duyên phối hợp mà khởi sinh, chúng không tự có. Vì thế các hiện hữu không thực có tự ngã, tự tính. Nói khác đi, cái gọi là ngã tướng, ngã tính của các hiện hữu là trống rỗng ( empty ), không thực

hữu. Đại luận sư Long Thọ (Nagarjuna) gọi nó là Không, là Tánh Không (Súnyatà). Cũng gọi nó là Giả danh (chỉ là tên gọi - mere name); cũng là nghĩa Trung đạo (Duyên sinh)

Luận sư lại viết ở đoạn 40, phẩm XXIV, Trung Quán Luận rằng :

" Thị cố kinh trung thuyết  
Nhược kiến nhân duyên pháp  
Tất vi năng kiến Phật  
Kiến Khô, Tập, Diệt, Đạo "

( Thế nên trong kinh nói  
Nếu thấy pháp nhân duyên  
Thì có thể thấy Phật  
Và thấy Khô, Tập, Diệt, Đạo)

Như thế, Không Tánh của Trung Quán Luận đồng nghĩa với Pháp tánh (Dharmatà-Dhammatà) và với Phật tánh, Chân như tánh (Buddhatà), Duyên khởi tánh (Paticcasamupadà).

Tánh Không ấy, do vậy, ở ngoài tất cả ngã tính như thường, đoạn; sinh, diệt; khứ, lai; nhất, dị; tốt, xấu; toàn, bất toàn; v.v... như hai bài kệ đầu của Trung Quán Luận đã nói :

1. " Bất sanh diệt bất diệt,  
Bất thường diệt bất đoạn,  
Bất nhất diệt bất dị,  
Bất lai diệt bất xuất "

2. " Năng thuyết thị nhân duyên  
Thiện diệt chư hý luận  
Ngã khê thủ lễ Phật  
Chư thuyết trung đệ nhất "  
( Không sanh cũng không diệt,  
Không thường cũng không đoạn,  
Không đồng nhất cũng không dị biệt,  
Không đến cũng không đi.  
Nói rõ thuyết nhân duyên ấy,  
Khéo đập tắt các hý luận.  
Con cúi đầu lễ Phật  
Bậc thuyết giảng đệ nhất trong các bậc thuyết giảng )

Tánh Không, tương tự Chân Như, Niết Bàn, ở ngoài thế giới khái niệm của ngã tính. Không thể định nghĩa về Không, mà chỉ có thể gợi ý rằng Không không thể là đối tượng của tư duy ngã tính (nhị duyên), mà là thực tại như thực của sự thể nhập (Penetration).

---o0o---

### III. Về ngã tính, ngã tướng, ngã tướng

Kinh Kim Cương Bát Nhã giới thiệu pháp hành cho các vị Bồ Tát (Bodhisattva) đoạn trừ chấp thủ (upādāna), dập tắt các ngã tướng: ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, pháp tướng, phi pháp tướng, tướng và phi tướng. Dập tắt các ngã tướng để thể nhận sự thật vô ngã của thực tại, để thể nhập thực tại như kinh đã viết :

" Nhược thông đạt vô ngã pháp giả, tức danh Đại Bồ Tát "  
( Nếu thông rõ thực tại là vô ngã thì gọi là Đại Bồ Tát, vị đạt được trí tuệ ba-la-mật )

Chính ngã tướng là nhân tố ngăn che thực tại như thực. Nó đang chế ngự tư duy ngã tính của con người, giam hãm tâm thức con người vào vòng sinh diệt của sầu, bi, khổ, ưu, não.

Aristote, một đại triết gia Hy Lạp, đã nêu ra ba nguyên lý cơ bản của tư duy, mà nếu muốn bác bỏ chúng thì tư duy cũng phải vận hành trên chúng. Đó là :

1. Nguyên lý Đồng nhất (Principle of Identity): Một vật được gọi là A, thì mãi mãi phải là A thì tư duy mới hoạt động được ( ký hiệu  $A = A$  )
2. Nguyên lý phi mâu thuẫn ( Principle of non contradiction ) : Một vật là A hay B, mà không được khi thì gọi là A, khi thì gọi là B.
3. Nguyên lý Triệt tam ( Principle of Excluded Middle) : Một vật là A hoặc B, mà không được vừa A, vừa B.  
( Spaulding, The New Rationalism, New York, Henry Holt & Company, 1918, p. 106-107 )

Chỉ trên ba nguyên lý đó thì tư duy mới có thể vận hành, con người mới có thể trao đổi, truyền đạt ý tưởng, kiến thức.

Ba nguyên lý ấy hàm ngụ rằng mỗi hiện hữu phải có ngã tính cố định, và thế giới của tư duy là thế giới đứng im bất động - tư duy đã ngưng hẳn sự vận hành của thế giới - , giữa khi thực tại thì trôi chảy không ngừng. Thế giới trôi chảy có nghĩa là AḂ A ( hay AḂ A ). Điều này nêu rõ rằng tư duy về thực tại thì hoàn toàn xa lạ với thực tại.

Chính tư duy hàm ẩn ngã tính ấy đã mở ra các dòng văn hoá, các giá trị của ước lệ (convention), kéo theo các phản ứng tâm lý của con người (tham, sân, si, ưa ghét, thù hận, v.v...) tạo thành cuộc sống với các giá trị ảo đầy bóng tối và khổ đau.

Luận sư Long Thọ xiển dương Tánh Không là nhằm đánh thức con người đi ra khỏi thế giới của tư duy của các ngã tính, ngã tướng ảo ấy. Đi ra khỏi thế giới ấy là đi ra khỏi tham, sân, si, sảo, bi, khổ, ưu, não. Tùy theo căn tánh định, tuệ khác nhau mà người học và nghe về Tánh Không có thể trực ngộ, trực nhập, hoặc thức tỉnh đi vào các công phu hành Giới, Định, Tuệ và Tứ vô lượng tâm hầu có thể trực ngộ, trực nhập Tánh Không về sau.

---o0o---

#### **IV. Tánh Không và kinh ngắn Không Tánh ( Cùlasunnata - Suttam, Majjhima Nikàya, Vol. III )**

Kinh ngắn Không Tánh, Trung Bộ Kinh III, giới thiệu " như thế nào là an trú Không "

Thế Tôn dạy các đối tượng an trú của vị Tỷ Kheo thực hiện an trú Không Tánh là các tướng về Thân, Rừng, Địa đại, Tứ Không định và Vô tướng tâm định. Khi an trú ở một đối tượng tướng nào thì vị Tỷ kheo nhất niệm an trú (với tâm thức ở Tứ Sắc định) và nhất niệm giác tỉnh về sự thật Duyên Khởi của đối tượng (thấy rõ "cái này có, cái kia có "). Với an trú ấy, thì đối tượng đối với vị Tỷ kheo là thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không Tánh. Đây là đối tượng an trú mà Phật và các bậc Thánh sau khi đã hoàn toàn giải thoát vẫn tiếp tục an trú, gọi là Phật trú, Thánh trú, hay Phạm trú.

Cho đến khi đối tượng an trú là " vô tướng tâm định " (hay gọi là tác ý Vô ngã trong tất cả tướng) mà hành giả thức tỉnh rằng "Vô tướng tâm định" cũng là hữu vi, vô thường và tâm rời khỏi dục lậu (ham muốn cõi Dục), hữu lậu (ham muốn cõi Sắc), và vô minh lậu (ham muốn cõi Vô sắc) thì vị Tỷ kheo thực sự giải thoát khỏi sinh tử, khổ đau.

Như thế, có hai yếu tố tâm thức quyết định hành giả sẽ an trú vững vào Không Tánh là :

- Hành giả có khả năng thiền định ở Tứ Sắc định (nghĩa là xả, và nhất tâm bất loạn)
- Giác tỉnh về sự thật Duyên Khởi của đối tượng an trú.

An trú Không Tánh như vậy là an trú thật tánh, tâm thức sạch hết các phiền não, lậu hoặc. An trú ấy cũng được gọi là thể nhập Không Tánh.

---o0o---

## V. Kết luận

Tánh Không như vừa được trình bày ở trên là Pháp tánh Duyên Khởi tánh. Mức độ liễu hội Tánh Không tùy thuộc vào cấp độ Định, Tuệ của hành giả thuộc hàng phàm phu, Hữu học hay Vô học. Với cấp độ phàm phu, tâm thức còn bị ràng buộc bởi Dục giới tâm (thiện, ác của Dục giới), nặng tập khí chấp ngã, thì rất khó liễu hội Tánh Không. Với hàng Thánh Hữu học, hành giả dù đã thể nhập rõ Tánh Không, nhưng chưa đủ khả năng thể nhập. Với hàng Thánh Vô học, do lậu hoặc đã được sạch trừ, nên hành giả còn điều kiện thể nhập Tánh Không.

Với ai chưa thể nhập Tánh Không, thì cần tu thiền chỉ và Thiền quán (Samatha và Vipassana) đi qua ba cấp độ tu tập :

1. Loại trừ các tâm lý cấu uế, sản phẩm của Ngũ cái (trạo cử, hôn trầm, dục, sân, nghi)
2. Hành Tứ Niệm Xứ để vào Tứ sắc định.
3. Hành thiền quán Duyên sinh - Vô ngã từ tâm lý ở Tứ sắc định cho đến khi tâm thức lìa khỏi Dục lậu, Hữu lậu và Vô minh lậu.

Cho đến đây, ta thấy công phu hành Thiền để an trú, hay thể nhập, Tánh Không thực sự dung thông ở giáo lý của Thượng tọa bộ (Theravada) và Đại thừa (Mahayana, hay Phật Giáo Phát Triển). Tiểu thừa (hoặc Nguyên Thủy) hay Đại thừa là ở khả năng thực hiện Định, Tuệ mà không thuộc phần giáo lý. Tánh Không là sự thật của vạn hữu, và sự thật chỉ có một (không có hai), là nơi đến vắng mặt hết mọi phiền não, khổ đau.



Tỷ kheo Thích Chơn Thiện

---o0o---  
HẾT